

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **235/2019/HS-ST**
Ngày: 14-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kính;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 237/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị P**, sinh năm 1983. Tại: A. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 66/5, khu phố 1, phường T, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B; bị cáo có chồng Lê Thanh T; bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo tại ngoại; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Phi N, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ 13, khu 8, phường H, thành phố T, tỉnh B. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 18/5, tổ 5, khu 1, phường T, thành phố T, tỉnh B. (vắng mặt)

+ Ông Võ Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu 3, phường T, thành phố T, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị P là người giúp việc nhà cho bà Nguyễn Thị Phi N, sinh năm 1961, địa chỉ tại nhà số 502, Đại lộ B, tổ 13, khu 8, phường H, thành phố T, tỉnh B từ khoảng tháng 4/2018. Đến khoảng đầu tháng 5/2019, trong quá trình thực hiện việc lau dọn

phòng ngủ của bà N thì P thấy trên nắp két sắt có để 01 (Một) chiếc chìa khóa và P nghĩ đó là chìa khóa dùng để mở két sắt nên P nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong két sắt. Thực hiện ý định trên, những khi P thấy bà N và con gái là Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1999 cùng địa chỉ với bà N có việc đi ra khỏi nhà thì P đã 04 (Bốn) lần đi vào phòng ngủ của bà N để thực hiện hành vi lấy chìa khóa để mở két sắt và trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 5/2019 (cách ngày 18/5/2019 khoảng hai tuần), Trần Thị P đã lên mở két sắt của bà Nguyễn Thị Phi N lấy trộm 01 (Một) miếng vàng SJC trọng lượng 05 (Năm) chỉ, 01 (Một) miếng vàng SJC trọng lượng 02 (Hai) chỉ rồi đưa đến tiệm vàng K, địa chỉ tại phường T, thành phố T, tỉnh B bán được số tiền 25.200.000 (Hai mươi lăm triệu, hai trăm ngàn) đồng.

- Lần thứ hai: Ngay tiếp ngày hôm sau của lần thứ nhất, Trần Thị P quay lại nhà bà Nguyễn Thị Phi N làm việc và tiếp tục lên mở két sắt của bà N lấy trộm 01 (Một) miếng vàng SJC trọng lượng 10 (Mười) chỉ, 01 (Một) miếng vàng SJC trọng lượng 02 (Hai) chỉ, 02 (Hai) nhẫn vàng 9999 trọng lượng 04 (Bốn) chỉ (02 (Hai) chỉ/01 (Một) nhẫn) rồi đem đến tiệm vàng K bán với được số tiền 54.000.000 (Năm mươi bốn triệu) đồng.

- Lần thứ ba: Ngay tiếp ngày hôm sau của lần thứ hai, Trần Thị P quay lại nhà bà Nguyễn Thị Phi N làm việc và tiếp tục lên mở két sắt của bà N để lấy trộm 04 (Bốn) nhẫn vàng 9999 trọng lượng 08 (Tám) chỉ (02 (Hai) chỉ/01 (Một) nhẫn), 03 (Ba) miếng vàng SJC trọng lượng 03 (Ba) chỉ (01 (Một) chỉ/ 01 (Một) miếng) và 01 (Một) nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,5 (Không phẩy năm) chỉ rồi đem đến tiệm vàng K bán được số tiền 40.900.000 (Bốn mươi triệu, chín trăm ngàn) đồng.

Như vậy, qua ba lần mở két sắt trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Phi N thì Trần Thị P đã lấy trộm tổng cộng 34,5 (Ba mươi bốn phẩy năm) chỉ vàng, trong đó gồm: 22 (Hai mươi hai) chỉ là vàng SJC; 12 (Mười hai) chỉ là vàng 9999 và 0,5 (Không phẩy năm) chỉ là vàng 18K và bán được tổng số tiền là 120.100.000 (Một trăm hai mươi triệu, một trăm ngàn) đồng. Số tiền trên, P dùng để mua 01 (Một) xe mô tô hiệu Piaggio Liberty, màu đỏ với giá 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng; 01 (Một) điện thoại Oppo F11 với giá 7.000.000 (Bảy triệu đồng); trả nợ cho người khác (Hiện không xác định rõ lai lịch, địa chỉ) số tiền 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng; tiêu xài cá nhân hết khoảng 6.000.000 (Sáu triệu) đồng và hiện còn dư lại số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Lần thứ tư: Sau khi thực hiện 03 (Ba) lần lấy trộm số vàng nêu trên, Trần Thị P sợ bà Nguyễn Thị Phi N sẽ phát hiện việc mất trộm tài sản và sẽ nghi ngờ P lấy nên P đi đến chợ Bưng Cầu, địa chỉ tại phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mua 07 (Bảy) chiếc nhẫn vàng giả tương ứng với một số chiếc nhẫn đã lấy trộm để bỏ vào két sắt nhằm đánh lạc hướng không để bà N phát hiện việc mất trộm tài sản. Đến ngày 18/5/2019, P mang 07 (Bảy) chiếc nhẫn vàng giả mua được quay lại bỏ vào két sắt. Tuy nhiên, sau khi mở được két sắt và bỏ 07 (Bảy) chiếc nhẫn vàng giả vào, P không khóa được cửa két sắt. Lúc này, P nghĩ sớm muộn thì bà N cũng phát hiện P trộm cắp tài sản trong két sắt nên P tiếp tục lấy trộm toàn bộ số tiền 277.000.000 (Hai trăm bảy mươi bảy triệu) đồng trong két sắt rồi đưa lên giấu trong giỏ rác đặt trong buồng vệ sinh ở lầu hai của nhà bà N. Sau đó, P về nhà và xin bà N cho P nghỉ làm một ngày.

Cùng ngày 18/5/2019, sau khi về đến nhà, bà Nguyễn Thị Phi N phát hiện bị mất trộm tài sản trong két sắt và bà N hỏi P có lấy trộm tài sản hay không thì P trả lời là P không lấy và không biết gì về số tài sản trên nên đến ngày 19/5/2019, bà N đến Công an phường Hiệp Thành để trình báo về vụ việc mất trộm tài sản.

Ngày 20/5/2019, Trần Thị P đến nhà bà Nguyễn Thị Phi N để làm việc thì nghe bà N cho biết đã trình báo sự việc mất trộm tài sản với Cơ quan Công an nên P nghĩ sẽ bị phát hiện nên đã tự đến Công an phường Hiệp Thành để đầu thú khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội. Trên cơ sở lời khai của P, Cơ quan Công an đã thu hồi được số tiền 277.000.000 (Hai trăm bảy mươi bảy triệu) đồng trong giỏ rác đặt trong buồng vệ sinh ở lầu hai của nhà bà N và 07 (Bảy) chiếc nhẫn kim loại màu vàng. Cùng ngày 20/5/2019, Công an phường Hiệp Thành chuyển hồ sơ vụ việc, đối tượng Trần Thị P cùng số vật chứng nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 01 (Một) miếng vàng loại SJC trọng lượng 10 (Mười) chỉ, 01 (Một) miếng vàng loại SJC trọng lượng 05 (Năm) chỉ, 03 (Ba) miếng vàng loại SJC trọng lượng 01 (Một) chỉ/ 01 (Một) miếng, 02 (Hai) miếng vàng loại SJC trọng lượng 02 (Hai) chỉ/01 (Một) miếng, 06 (Sáu) chiếc nhẫn bằng vàng loại 9999 (24K) trọng lượng 02 (Hai) chỉ/ 01 (Một) chiếc, 01 (Một) chiếc nhẫn bằng vàng loại 18k trọng lượng 0,5 (Không phải năm) chỉ mà Trần Thị P đã lấy trộm của bà Nguyễn Thị Phi N. Ngày 21/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã có Công văn số 355 gửi Sở Tài chính tỉnh Bình Dương đề nghị cung cấp giá vàng SJC, vàng 9999 và vàng 18K mua vào, bán ra từ ngày 01/5/2019 đến 18/5/2019 để có căn cứ xử lý vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 27/5/2019 Sở Tài chính tỉnh Bình Dương có Công văn số 1493 gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một với nội dung: Hiện tại chưa đến kỳ báo cáo giá thị trường tháng 5/2019 nên Sở Tài chính cung cấp giá vàng bán ra tại thời điểm điểm từ ngày 01/5/2019 đến 18/5/2019 từ nguồn vàng bán ra của Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận – chi nhánh Bình Dương. Theo đó, giá trị vàng cao nhất tính vào thời điểm Trần Thị P chiếm đoạt của bà N là Vàng SJC giá 3.657.000 đồng/ 01 chỉ x 22 chỉ = 80.454.000 đồng, Vàng 9999 giá 3.699.000 đồng/ 01 chỉ x 12 chỉ = 44.388.000 đồng, Vàng 18K giá 2.774.000 đồng/ 01 chỉ x 0,5 chỉ = 1.387.000 đồng. Tổng giá trị vàng mà Trần Thị P chiếm đoạt 03 lần của bà Nguyễn Thị Phi N là 126.229.000 đồng.

Ngày 14/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một có Công văn số 281 yêu cầu định giá tài sản đối với số vàng nêu trên. Ngày 30/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một ban hành Công văn số 454/HĐĐGTS, kết luận: Do số vàng mà Trần Thị P lấy trộm của bà Nguyễn Thị Phi N không thu hồi được nên Hội đồng định giá không thể kiểm định, đánh giá chất lượng còn lại của tài sản để làm cơ sở xác định giá trị còn lại của tài sản cũng như xác định giá trị tài sản theo yêu cầu định giá của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một.

Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị Phi N khai: 01 (Một) miếng vàng loại SJC trọng lượng 10 (Mười) chỉ, 01 (Một) miếng vàng loại SJC trọng lượng 05 (Không phải năm) chỉ, 03 (Ba) miếng vàng loại SJC trọng lượng 01 (Một) chỉ/ 01 (Một) miếng, 02 (Hai) miếng vàng loại SJC trọng lượng 02 (Hai) chỉ/01 (Một) miếng, 06 (Sáu) chiếc nhẫn bằng vàng loại 9999 (24K) trọng lượng 02 (Hai) chỉ/ 01 (Một) chiếc, 01 (Một) chiếc nhẫn bằng vàng loại 18k trọng lượng 0,5 chỉ là bà N mua nhiều lần và không nhớ mua vào thời gian cụ thể. Khi mua, bà N không lấy hóa đơn mua bán. Trần

Thị P khai nhận đã bán số vàng trên cho ông T chủ tiệm vàng K với tổng số tiền là 120.100.000 (Một trăm hai mươi triệu, một trăm ngàn) đồng, đồng thời bà N đồng ý nhận bồi thường số tiền 120.100.000 (Một trăm hai mươi triệu, một trăm ngàn) đồng tương đương với số tiền P bán vàng trộm cắp của bà N từ bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955, cư trú tại 18/5, tổ 5, khu 1, phường T, thành phố T, tỉnh B (Là mẹ chồng Trần Thị P). Hiện bà N đã nhận đủ số tiền 120.100.000 (Một trăm hai mươi triệu, một trăm ngàn) đồng và không có yêu cầu gì khác đối với P.

Đối với số tiền 277.000.000đ (Hai trăm bảy mươi bảy triệu) đồng do Trần Thị P lấy trộm của bà Nguyễn Thị Phi N vào ngày 18/5/2019, ngày 01/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại cho bà N theo Quyết định xử lý vật chứng số 95/QĐ-CSĐT ngày 31/5/2019 và hiện tại bà N không có yêu cầu gì khác đối với P.

Đối với hành vi mua 01 (Một) miếng vàng loại SJC trọng lượng 10 (Mười) chỉ, 01 (Một) miếng vàng loại SJC trọng lượng 05 (Năm) chỉ, 03 (Ba) miếng vàng loại SJC trọng lượng 01 (Một) chỉ/ 01 (Một) miếng, 02 (Hai) miếng vàng loại SJC trọng lượng 02 (Hai) chỉ/01 miếng, 06 (Sáu) chiếc nhẫn bằng vàng loại 9999 (24K) trọng lượng 02 (Hai) chỉ/ 01 (Một) chiếc, 01 (Một) chiếc nhẫn bằng vàng loại 18k trọng lượng 0,5 (Không phẩy năm) chỉ của ông Võ Văn T, quá trình điều tra xác định ông T không biết đây là tài sản do Trần Thị P trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Tiến.

Đối với 01 (Một) xe mô tô hiệu Piaggio Lyberty màu đỏ đen chưa có biển số; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen 01 (Một) biển số xe 61B2 –089.45, 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe hiệu Piaggio Lyberty biển số 61B2-089.45 mang tên Trần Thị P đã thu giữ của Trần Thị P, quá trình điều tra xác định đây là tài sản Trần Thị P mua từ số tiền bán vàng lấy trộm của bà Nguyễn Thị Phi N nhưng sau khi sự việc xảy ra, bà Nguyễn Thị M (là mẹ chồng Trần Thị P) đã đi vay tiền của người khác để bồi thường cho bị hại là bà Nguyễn Thị Phi N. Sau đó, bà Nguyễn Thị M và Trần Thị P đã có nguyện vọng xin nhận lại tài sản trên để bà M có điều kiện trả lại số tiền đã vay để khắc phục hậu quả nên ngày 05/7/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại cho bà Nguyễn Thị M theo Quyết định xử lý vật chứng số 96/QĐ-CSĐT ngày 20/6/2019.

Đối với 07 (Bảy) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, quá trình điều tra xác định đây là công cụ của Trần Thị P sử dụng để che giấu hành vi phạm Tội trộm cắp tài sản nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị tịch thu, sung công quỹ nhà nước.

Cáo trạng số 252/CT-VKS-HS ngày 22/10/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Thị P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị P đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị P mức hình phạt từ 07 đến 08 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về biện pháp tư pháp: Đối với 07 (bảy) chiếc nhẫn kim loại màu vàng là công cụ Trần Thị P sử dụng để che giấu hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Trần Thị P không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản giữ người, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Thị P là người giúp việc nhà cho bị hại bà Nguyễn Thị Phi N tại địa chỉ nhà số 502, Đại lộ B, tổ 13, khu 8, phường H, thành phố T, tỉnh B từ năm 2018. Lợi dụng sự sơ hở của bà N trong việc quản lý tài sản nên từ đầu tháng 5/2019 đến ngày 18/5/2019 Trần Thị P đã 04 lần thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bà N, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: 01 (Một) miếng vàng SJC trọng lượng 05 (Năm) chỉ, 01 (Một) miếng vàng SJC trọng lượng 02 (Hai) chỉ. P khai bán được 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

- Lần thứ hai: 01 (Một) miếng vàng SJC trọng lượng 10 (Mười) chỉ, 01 (Một) miếng vàng SJC trọng lượng 02 (Hai) chỉ, 02 (Hai) nhẫn vàng 9999 trọng lượng 04 (Bốn) chỉ; 01 (Một) nhẫn trọng lượng 02 (Hai) chỉ. P khai bán được 54.000.000đ (Năm mươi bốn triệu đồng).

- Lần thứ ba: 04 (Bốn) nhẫn vàng 9999 trọng lượng 08 (Tám) chỉ (02 (Hai) chỉ/01 (Một) nhẫn), 03 (Ba) miếng vàng SJC trọng lượng 03 (Ba) chỉ (01 (Một) chỉ/ 01 (Một) miếng) và 01 (Một) nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,5 (Không đầy năm) chỉ. P khai bán được 40.900.000đ (Bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

- Lần thứ tư: Bị cáo lén lút lấy trộm số tiền 277.000.000đ (Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Tài sản bị cáo P chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Phi N có tổng giá trị là 397.100.000đ (Ba trăm chín mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng) nên hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là phụ nữ, có nghề nghiệp ổn định bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, lười lao động mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, liên tiếp nhau, tài sản trộm cắp có giá trị lớn nên cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên 02 lần nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình Sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối chiếu với tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào nhân thân bị cáo xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị M là mẹ chồng của bị cáo P đã bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Phi N số tiền 120.100.000 đồng. Bà N không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra, xem xét giải quyết.

Đối với bà Nguyễn Thị M là người đã bồi thường cho bà N số tiền 120.100.000 đồng. Hiện tại bà M không yêu cầu bị cáo Phưởng trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với bà Minh.

[8] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy 07 (bảy) chiếc nhẫn kim loại màu vàng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 106, 136, 260 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1./ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị P 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2./ Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét giải quyết.

3./ Về biện pháp tư pháp tuyên: Tịch thu tiêu hủy 07 (bảy) cái nhẫn kim loại màu vàng được để trong một bì thư niêm phong có chữ ký của Trần Thị P và Nguyễn Dương Hồng T, đóng dấu tròn của Công ty TNHH MTV vàng bạc K.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 021.20 ngày 24/10/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

4./ Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tâm